

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hạ tầng điểm dân cư nông thôn Đồng Công, thôn Tân Đại, xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn 1) của UBND huyện Đông Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 19/07/2021 của HĐND huyện Đông Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh một số dự án hạ tầng khu dân cư mới năm 2021;

Theo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Hạ tầng điểm dân cư nông thôn Đồng Công, thôn Tân Đại, xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn 1) tại Thông báo số 10555/STNMT-BVMT ngày 28/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 18/TTr-QLDA ngày 13/01/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 97/Tr-STNMT ngày 21/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hạ tầng điểm dân cư nông thôn Đồng Công, thôn Tân Đại, xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn 1) của UBND huyện Đông Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án “Hạ tầng điểm dân cư nông thôn Đồng Còng, thôn Tân Đại,
xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn 1)”
của UBND huyện Đông Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

- Dự án Hạ tầng điểm dân cư nông thôn Đồng Còng, thôn Tân Đại, xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn 1).
- Chủ đầu tư: UBND huyện Đông Sơn
- Đại diện chủ đầu tư (Đơn vị quản lý dự án): Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn.
- Người đại diện: ông Đồng Văn Long - Chức vụ: Giám đốc Ban
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án: Hạ tầng điểm dân cư nông thôn Đồng Còng, thôn Tân Đại, xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn 1) được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 51.937,8 m² với các hạng mục công trình chính bao gồm: San nền, giao thông, vỉa hè, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện, trồng cây xanh.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 5,7 m³/ngày, trong đó: Nước thải vệ sinh khoảng 2,16m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 3,2 m³/ngày; nước thải từ khu vực nhà ăn 0,24m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...
- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 14 m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...
- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 127,97 lít/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

2.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 53kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng: Thực vật phát quang (khối lượng 35,16 tấn); Chất thải rắn xây dựng rơi vãi (khối lượng 316,92 tấn); Gạch vỡ (khối lượng 1,68 tấn); Đất bóc phong hóa (khối lượng 8.274,54 m³).

2.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng 45kg/toàn bộ giai đoạn thi công. Thành phần bao gồm: Giẻ lau dính dầu mỡ, pin, bóng đèn neon,...

- Chất thải lỏng nguy hại: Chủ yếu là dầu thải với khối lượng 147 lít

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 192,08 m³/ngày.đêm, trong đó: Nước thải tắm rửa, giặt giũ: 96,04 m³/ngày.đêm; Nước thải nấu ăn: 38,416 m³/ngày.đêm; Nước thải vệ sinh: 57,624 m³/ngày.đêm. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu: Chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ chứa nitơ và vi sinh vật gây bệnh...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng 485,46 lít/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu là phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO₂, SO₂, CO,...

2.2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ khu dân cư khoảng 985 kg/ngày.đêm; Phát sinh từ khu vực công cộng khoảng 49,25 kg/ngày.đêm; Phát sinh từ vệ sinh sân đường, công viên cây xanh khoảng 197 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì, thức ăn thừa, lá cây, cành cây,...

2.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại: Phát sinh khoảng 10,34 kg/ngày.đêm. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ: được thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm thể tích 4,0 m³ (kích thước 2mx2mx1m) bố trí gần lán trại thi công. Nước thải sau khi xử lý sẽ thải ra mương thoát nước của khu vực.

- Nước thải vệ sinh: Thuê 05 nhà vệ sinh di động để xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (kích thước 900x1.300x2.450 mm). Hợp đồng Công ty

TNHH Một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa thông hút định kỳ 03 ngày/lần và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải từ ăn uống: Thu gom và xử lý sơ bộ bằng 01 hố tách dầu mỡ $1,0\text{m}^3$ (kích thước $1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$), sau đó được dẫn về hố lắng tạm (cùng với nước thải tắm rửa, giặt giũ). Nước thải sau khi xử lý được thải ra mương thoát nước của khu vực.

*** Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải rửa xe và nước thải rửa dụng cụ thi công được thu gom và xử lý bằng hố lắng 14m^3 (kích thước $3,5\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m}$) sau đó thải ra mương thoát nước của khu vực.

*** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:**

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu bằng gạch xây, nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas $50\text{m}/\text{hố gas}$. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời kích thước sâu x rộng = $0,4 \times 0,5(\text{m})$; các hố gas tạm có kích thước $d \times r \times c = 0,8 \times 0,8 \times 0,8(\text{m})$.

- Thường xuyên nạo vét, khai thông các tuyến thoát nước mưa trong khu vực dự án.

- Tại bãi đổ thải, đổ thải đến đâu thực hiện đầm nén, san gạt, lu lèn đến đó để phòng tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát ra môi trường.

3.1.2. Về bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án (tuyến đường Đông Minh - Đông Hòa và các tuyến đường dân sinh khác) khi có đất cát vương vãi.

- Phun nước làm ẩm, giảm bụi với tần suất 02 lần/ngày trong những ngày vận chuyển nguyên vật liệu, tần suất phun tưới nước tăng lên 04 lần/ngày nếu bụi xuất hiện nhiều trên tuyến đường vận chuyển.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công, các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 01 thùng nhựa composite (dung tích 120 lít/thùng) và 04 thùng (dung tích 30 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải

rắn sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của chất thải rắn xây dựng*

+ Xây dựng kế hoạch quản lý và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý.

+ Chất thải phá dỡ hiện trạng và thực vật phát quang được thu gom và vận chuyển về bãi đổ thải của dự án.

+ Chất thải rắn xây dựng rơi vãi: Bao gồm vật liệu dễ rơi vãi và gạch vỡ sẽ được vận chuyển về bãi đổ thải.

- Đất vét hữu cơ không còn nhu cầu sử dụng sẽ được vận chuyển về bãi đổ thải.

+ Bãi đổ thải tại khu vực khai trường kết thúc khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Vức, xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn của Công ty TNHH MTV Tân Thành 9 có trữ lượng cho phép dự án đổ thải là 36.000m³, chiều cao đổ thải là 2,0m; Cự ly vận chuyển từ dự án đến bãi thải là 13,0 km.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 04 thùng chuyên dụng 200 lít/thùng để thu gom (trong đó 03 thùng chứa dầu nhớt thải và 01 thùng chứa chất thải rắn nguy hại). Các thùng chứa chất thải nguy hại đều có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và được đặt trong góc nhà kho diện tích khoảng 10m² để chờ đưa đi xử lý.

- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- *Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ được thu gom qua song chắn rác về hố ga được bố trí tại mỗi căn hộ để xử lý sơ bộ; nước thải từ hoạt động ăn uống được xử lý bằng bể tách dầu mỡ; nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại tại các hộ gia đình sau đó thu gom bằng hệ thống cống D600, D800 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý, sau đó thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án được bố trí tại khu đất công viên cây xanh của dự án (phía Đông Bắc khu đất, gần trạm biến áp) là hệ thống gồm 04 bể bastafat (thể tích 50m³/bể). Ngoài ra, theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của UBND tỉnh về Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, nước thải xã Đông Minh được dẫn về xử lý tại trạm xử lý nước thải thị trấn Rừng Thông, cách khu đất dự án dự kiến khoảng 5,0km về phía Đông Bắc. Trạm xử lý nước thải thị trấn Rừng Thông đặt tại thị trấn Rừng Thông, công suất tính đến năm 2025 là 4.000 m³/ngày, đến năm 2040 là 6.000 m³/ngày. Sau khi hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch chung của huyện được xây dựng, chủ đầu tư sẽ thực hiện đầu nối nước thải

vào trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch và dùng vận hành hệ thống xử lý tại chỗ.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó thải ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải; thi công tuyến cống thoát nước mưa và hướng thoát nước theo đúng thiết kế;

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án (hệ thống bể bastafat).

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải từ khu vực dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung của huyện, để sẵn các vị trí chờ tại các lô đất để các hộ gia đình đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải;

+ Khẩn trương tìm nhà đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung của huyện theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040;

+ Thực hiện việc quan trắc nước thải định kỳ; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải; đào tạo cán bộ vận hành hệ thống,...

- Trách nhiệm của UBND xã Đông Hòa: Quản lý việc xây dựng công trình xử lý nước thải sơ bộ tại các hộ gia đình.

- Trách nhiệm của các hộ dân: Xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh; Lắp đặt bể tách dầu mỡ để xử lý nước thải nhà ăn; lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ nước thải tắm giặt sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý trước khi thải ra môi trường; Đầu nối nước thải vào đường ống chờ do chủ đầu tư lắp đặt để dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung của dự án.

- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn được thu gom dẫn về hệ thống cống D600, D800 ra mương phía Bắc để ra của xả, sau đó chảy kênh 3 xã là hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.2.2. Về bụi, khí thải

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Đảm bảo tỷ lệ cây xanh được trồng theo đúng quy hoạch.

+ Thiết kế hệ thống cây xanh dọc theo các tuyến giao thông nội bộ.

+ Quy định rõ ràng, cụ thể về việc tuân thủ các công tác bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng của các hộ dân.

+ Thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động xây dựng của các hộ dân.

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải của dự án kiên cố, có nắp đậy bằng betong, có ống thoát khí, nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi.

- Trách nhiệm của UBND xã Đông Hòa:

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực dọc tuyến đường nội bộ của khu dân cư.

+ Tuyên truyền người dân sử dụng các nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động sinh hoạt như: gas, điện,... không sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm môi trường.

+ Thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động xây dựng của các hộ dân.

+ Kiểm tra hệ thống thu gom, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà;

+ Trang bị bộ phận hút, lọc khí thải khu vực nhà bếp trước khi thải ra môi trường.

+ Tuân thủ các quy định của chủ đầu tư về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng.

+ Tuân thủ các quy định về đầu nối nước thải của dự án.

+ Tập kết rác đúng nơi, đúng thời gian quy định.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Xây dựng khu vực tập kết chất thải tập trung (bao gồm chất thải rắn sinh hoạt thông thường và chất thải nguy hại) với diện tích khoảng 20m² tại khu vực trồng cây xanh để tập kết chất thải tạm thời và Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

+ Trang bị 40 thùng đựng rác loại 240 lít đặt tại khuôn viên cây xanh.

- *Trách nhiệm của UBND xã Đông Hòa:*

+ Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức người dân về thu gom, phân loại chất thải rắn cho người dân.

+ Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn cho khu dân cư phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

+ Tổ chức dịch vụ thu gom hoặc hợp đồng thuê đơn vị thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt đưa đi xử lý với tần suất 01 ngày/lần. Thuê đơn vị vệ sinh môi trường địa phương thực hiện vệ sinh khu vực cây xanh, công viên của dự án.

- *Đối với trách nhiệm của các hộ dân và các nhà đầu tư thành viên:*

+ Thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn; có các thùng riêng biệt để phân loại rác theo đúng quy định.

+ Thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào các thùng chứa có nắp đậy để tránh sự phân huỷ của các chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học gây ô nhiễm môi trường và sức khoẻ cộng đồng do mùi hôi và nước rỉ rác.

+ Tập kết rác đúng thời gian quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Nộp phí xử lý rác thải đầy đủ cho đơn vị thu gom xử lý.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- *Trách nhiệm của UBND huyện Đông Sơn/UBND xã Đông Hòa:* thường xuyên, kiểm tra, giám sát việc phân loại và thải bỏ chất thải nguy hại của người dân. Tuyên truyền cho người dân phân loại và bỏ vào thùng chứa “chất thải nguy hại” đúng quy định, không thải bỏ chất thải nguy hại cùng chất thải sinh hoạt; Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo quy định về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân để thu gom CTNH bỏ vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng; Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:* Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH theo quy định; Nộp phí xử lý chất thải nguy hại đầy đủ cho đơn vị chủ đầu tư để xử lý.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

| TT | Danh mục công trình xử lý môi trường | Đơn vị | Số lượng |
|----------|--|--------|----------|
| 1 | Thiết bị thu gom, xử lý chất thải rắn | | |
| - | Thùng chứa chất thải sinh hoạt | Thùng | 30 |
| - | Thùng chứa chất thải nguy hại | Thùng | 02 |
| 2 | Hệ thống xử lý nước thải | | |
| - | Bể tự hoại | bể | 197 |
| - | Bể tách dầu mỡ | bể | 197 |
| - | Hệ thống xử lý nước thải tập trung (bể batasfat, 50m ³ /bể) | bể | 04 |
| 3 | Hệ thống xử lý khí | | |
| | Lắp đặt ống thoát khí của bể tự hoại tại mỗi hộ gia đình | Cái | 197 |

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, độ ồn tương đương, Bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂S.

- Vị trí giám sát:

+ K1: Khu vực cổng ra vào dự án;

+ K2: Khu vực thi công.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức

tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị vi khí hậu cho phép tại nơi làm việc;

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

5.1.2. Giám sát chất lượng môi trường nước thải

- Chỉ tiêu giám sát: pH; TSS; BOD₅; Sunfua; NH₄⁺ PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt và Coliform.

- Vị trí giám sát:

+ Nước tại sau hồ lắng nước thải xây dựng thải ra môi trường;

+ Nước tại sau hồ lắng nước thải sinh hoạt thải ra môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Giám sát chất lượng môi trường nước:

+ Chỉ tiêu giám sát: pH; TSS; BOD₅; Sunfua; NH₄⁺, PO₄³⁻; dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt và Coliform.

+ Vị trí giám sát: Nước thải tại mương thu gom nước thải sau xử lý qua hệ thống bể Bastafat.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt./.